

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2019
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị T** - sinh năm 1992
Nguyên quán: thôn VT, xã AT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội
Nơi ĐKKHKT: thôn TN, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn P** - sinh năm 1987
Nơi ĐKKHKT: thôn TN, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** Người làm chứng:** Ông **Nguyễn Văn P1** - sinh năm 1964
Nơi ĐKKHKT: thôn TN, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội. (Chị T có xin vắng mặt tại phiên tòa; anh P và ông P1 đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh P được 01 năm và khi chị sinh con thì phát hiện anh P có hành vi chơi cờ bạc thua lỗ nợ nần nhiều. Trước đây vợ chồng chị có mở quán bán hàng chim và thức ăn cho chim, anh P quản

lý và quán cắt tóc gội đầu do chị quản lý nhưng vì nợ nần của anh P nên anh chị phải bán cả cửa hàng để lấy tiền trả nợ cho anh P. Chị cùng với gia đình hai bên nói khuyên nhủ anh P rất nhiều nhưng anh P vẫn không nghe, sau này anh P còn có hành vi đánh đập chị nhiều lần. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên hai vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay đã được 06 năm, không ai quan tâm đến ai, anh P cũng không một lần hỏi thăm con hay gửi tiền cho chị nuôi dưỡng con chung. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh P và không thể chấp nhận một người chồng như anh P, nên chị xin được ly hôn anh P.

Về con chung: chị và anh P có 01 con chung: Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 13/01/2011. Hiện nay cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện nay chị có cửa hàng cắt tóc gội đầu ở Hòa Nam, huyện UH, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 05 triệu đồng/ tháng, chị thường xuyên ở nhà nên có điều kiện và thời gian đưa đón con đi học cũng như chăm sóc cho con; cháu lại ở với chị từ bé cho đến nay. Còn anh P thường xuyên đi làm theo công trình, nay đây mai đó, không ổn định nên khó có thể chăm sóc con được tốt.

Về tài sản chung, công nợ chung: hai vợ chồng chị không có gì, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P: Không có ý kiến trình bày gì.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn P1 là bố đẻ anh P cũng có quan điểm: mâu thuẫn vợ chồng anh P chị T cụ thể như nào ông không nắm được nhưng ông biết hai vợ chồng có xảy ra cãi nhau to tiếng và sau hôm đó chị T bỏ đi khỏi nhà ông, ông mời bố mẹ đẻ chị T đến nhà nói chuyện người lớn hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng chị T không nghe, vẫn bỏ đi khỏi nhà ông từ năm 2011 cho đến nay. Anh P - con trai ông bỏ đi làm xa theo công trình, nay đây mai đó, không ổn định, đi một thời gian lại về, về rồi lại đi, hiện P đang ở đâu ông cũng không biết. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh P, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2019, chính quyền địa phương xã DL cung cấp: chị Phạm Thị T, sinh năm 1992 là người ở thôn VT, xã AT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội kết hôn với anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987 có đăng ký tại UBND xã DL ngày 08/7/2010. Sau khi kết hôn, chị T chuyển hộ khẩu và chuyển về chung sống với anh P tại nhà anh P cùng bố mẹ anh P. Mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh P như ông P1 – bố đẻ anh P trình bày ở trên. Chị T và anh P có 01 con chung Nguyễn Q Bảo, sinh ngày 13/01/2011, hiện nay cháu Bảo đang ở với chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho công dân, đặc biệt là cho cháu Bảo.

Tại phiên tòa, chị T và anh P đều vắng mặt, chị T có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung đã trình bày và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P; giao con chung Nguyễn Bảo Q cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi mới; chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập anh P đến Tòa để hòa giải nhưng anh P không chấp hành, chị T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL ngày 08/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh P không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, kinh tế gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, chị T cương quyết xin được ly hôn với anh P, lời trình bày của chị T phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn P1 - bố đẻ anh P về việc giữa hai vợ chồng chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn, chị T sống ly thân với anh P từ năm 2011 cho đến nay. Anh P trong suốt quá trình Tòa án thụ vụ án và báo gọi về hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh P không hợp tác, không có lý do chính đáng.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T với anh P là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T,

xử cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 13/01/2011. Hiện tại cháu đang ở với chị T.

Xét, hiện chị T có cửa hàng cắt tóc gội đầu, hàng tháng có thu nhập bình quân 05 triệu đồng/ tháng, chị thường xuyên ở nhà nên có điều kiện và thời gian đưa đón chăm sóc; cháu lại ở với chị từ bé cho đến nay; hiện anh P không có nghề nghiệp ổn định, nên để tránh xáo trộn môi trường sống của con chung sau ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Bảo Q cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh P đối với chị T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi mới. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí và nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn P có 01 con chung: Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 13/01/2011; sau ly hôn giao con chung Nguyễn Bảo Q cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác. Sau ly hôn anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009091 ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, TP Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

